

Bản án số: 83/2025/HS-ST

Ngày: 26 - 12 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47B/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2025 đối với:

Bị cáo: **Lê Trần Lâm Minh T.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 22 tháng 4 năm 1980 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký HKTT: Nhà số KX đường L, tổ 18TC, phường T, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở hiện tại: Phòng Y chung cư P, phường A, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê T (sinh năm 1956) và bà: Trần Thị Đ (sinh năm 1958). Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ Nguyễn Thị U (sinh năm 1984, đã ly hôn), 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 21/5/2025, bị Công an phường Hòa An (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, phạt tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số 12/QĐ-XPHC.

- Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 158/HSST ngày 06/12/1999 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án hình sự phúc thẩm số 176/HSPT ngày 20/4/2000 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng xử phạt Lê Trần Lâm Minh T 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 20/HSST ngày 22/4/2003 của TAND quận Hải Châu xử phạt Lê Trần Lâm Minh T 09 tháng tù về tội “Huỷ hoại tài sản”.

+ Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/01/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc tập trung vào trung tâm Giáo dục - Dạy nghề 05-06 thành phố Đà Nẵng, thời hạn 12 tháng.

+ Quyết định số 160/QĐ-XPHC ngày 22/7/2015 của Công an quận Thanh Khê xử phạt Lê Trần Lâm Minh T 1.500.000 đồng về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Quyết định số 140/2015/QĐ-TA ngày 03/9/2015 của TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng.

+ Quyết định số 110/2017/QĐ-TA ngày 11/10/2017 của TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng.

+ Quyết định số 81/2019/QĐ-TA ngày 12/8/2019 của TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng.

+ Quyết định số 46/2021/QĐ-TA ngày 26/4/2021 của TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng.

+ Quyết định số 56/2025/QĐ-TA ngày 17/6/2025 của TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định tạm đình chỉ thi hành số 229/QĐ-CSCN01 ngày 22/8/2025.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2025, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Cẩm Lệ thuộc Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên toà.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Thạch Văn Đ, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Nhà số K đường L, Tổ 19TC, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thành V, sinh năm: 1986; Địa chỉ: KA đường H, Tổ 18TC, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 01/6/2025, tại trước nhà số KX đường L, phường T (trước là tổ 18TC, phường C, quận Thanh Khê), thành phố Đà Nẵng, Tổ tuần tra Công an phường C (cũ) phát hiện Lê Trần Lâm Minh T có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, phát hiện thu giữ bên trong túi quần phía sau bên trái của T có 01 (một) gói ni lông trong suốt, kích thước (5x5)cm bên trong có một gói ni lông

kích thước (1x2)cm chứa tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy đá, được niêm phong ký hiệu là G1. Lê Trần Lâm Minh T khai nhận: Khoảng 09 giờ ngày 01/6/2025, T đi bộ đến kiệt 405 đường L, phường T, thành phố Đà Nẵng thì gặp một người tên X (không rõ lai lịch). T hỏi mua của X 200.000 đồng ma túy đá thì X đồng ý bán nên T lấy tiền mặt đưa cho X, rồi đứng chờ khoảng 15 phút thì X quay lại đưa cho T 01 gói ma túy đá. T cất gói ma túy vào túi quần bên trái. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi T đang đứng trước nhà số KX đường L, tổ 18TC, phường C (nay là phường T), thành phố Đà Nẵng thì bị phát hiện như nội dung nêu trên.

Trước đó, khoảng 20 giờ ngày 31/5/2025, T gặp một người (không rõ lai lịch) ở bến xe Đà Nẵng và được người này cho 01 (một) nỏ thủy tinh, bên trong có một ít ma túy đá. T mang về nơi ở tại Phòng X chung cư P, phường A, thành phố Đà Nẵng sử dụng một mình hết và vứt nỏ thủy tinh vào thùng rác của chung cư. Qua xét nghiệm, Lê Trần Lâm Minh T dương tính với chất ma túy.

Tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà số KX đường L, thành phố Đà Nẵng không phát hiện thu giữ gì.

Tại Bản Kết luận giám định số: 475/KL-KTHS ngày 18/6/2025 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận: “Tinh thể rắn màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu G1: 0,101 gam”.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Trần Lâm Minh T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Trần Lâm Minh T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Trần Lâm Minh T mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T không có tài sản gì nên không đề nghị.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì niêm phong đựng bao gói mẫu hoàn trả ký hiệu G1 có đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự và các chữ ký ghi họ tên giám định viên (Nguyễn Thị Thu N) và Điều tra viên (Lê Văn T), bên trong có chứa 01 gói nilong chứa 0,031gam mẫu G1 và bao gói mẫu vật hoàn trả sau giám định do là vật cấm lưu hành.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Trần Lâm Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Bị cáo có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã biết hối hận và

mong sớm trở về xã hội để có cơ hội làm ăn lương thiện, có điều kiện chăm sóc 03 con, cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Trần Lâm Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 15 giờ ngày 01/6/2025, tại trước nhà số KX đường L, phường T, thành phố Đà Nẵng, Lê Trần Lâm Minh T có hành vi tàng trữ 0,101 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng. Do đó hành vi của T đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung hình phạt **“*Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*”** theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Lê Trần Lâm Minh T có tính chất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền trong việc quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ sử dụng trái phép chất ma túy đang là tệ nạn của xã hội, là nguyên nhân của các tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của con người, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, nhưng vì thỏa mãn nhu cầu sử dụng của bản thân nên bị cáo đã phạm tội. Do vậy, HĐXX thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T bị Công an phường Hòa An (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, phạt tiền 1.500.000đồng theo Quyết định số 12/QĐ-XPHC ngày 21/5/2025. Đồng thời, có nhân thân rất xấu: Bị cáo bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, “Huỷ hoại tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 158/HSST ngày 06/12/1999 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Bản án hình sự phúc thẩm số 176/HSPT ngày 20/4/2000 của Tòa phúc thẩm

TAND tối cao tại Đà Nẵng và Bản án hình sự sơ thẩm số 20/HSST ngày 22/4/2003 của TAND quận Hải Châu. Ngoài ra, nhiều lần bị Toà án nhân dân quận Thanh Khê ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bản thân bị cáo T là người nghiện ma túy, bị cáo đang trong quá trình bị Toà án xem xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng vẫn đi mua ma túy về tàng trữ để sử dụng. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo T không có tài sản gì nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết:

01 (một) mẫu vật hoàn trả sau giám định được niêm phong trong bao gói mẫu hoàn trả ký hiệu G1 có đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự và các chữ ký ghi họ tên giám định viên (Nguyễn Thị Thu N) và Điều tra viên (Lê Văn T), bên trong có chứa 01 gói nilong chứa 0,031gam mẫu G1 và bao gói mẫu vật hoàn trả sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với người tên X bán ma túy cho Lê Trần Lâm Minh T hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Trần Lâm Minh T được thực hiện trước ngày 01/7/2025 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Lê Trần Lâm Minh T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Đối với Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 56/2025/QĐ-TA ngày 17/6/2025 của TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đối với Lê Trần Lâm Minh T, Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định tạm đình chỉ thi hành số 229/QĐ-CSCN01 ngày 22/8/2025 là có cơ sở.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Trần Lâm Minh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào: Điều c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Trần Lâm Minh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22 tháng 8 năm 2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) bì niêm phong đựng bao gói mẫu hoàn trả ký hiệu G1 có đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự và các chữ ký ghi họ tên giám định viên (Nguyễn Thị Thu N) và Điều tra viên (Lê Văn T), bên trong có chứa 01 gói nilong chứa 0,031gam mẫu G1 và bao gói mẫu vật hoàn trả sau giám định.

(Toàn bộ vật chứng trên thẻ hiện tại Biên bản giao, nhận đồ vật vật, tài liệu, vật chứng ngày 08/12/2025 hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng đang quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Trần Lâm Minh T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 26/12/2025.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an TP. Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1, Công an TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp

